

Bản án số: **82/2021/DS-PT**

Ngày 28/9/2021

V/v: *Tranh chấp HĐ vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2021/TLPT-DS ngày 05/7/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐ-PT ngày 12/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th., sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C.T, xã L.T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Ngô Duy B., sinh năm 1965. Có mặt.

Bà Hoàng Thị Ng., sinh năm 1972. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C.T, xã L.T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn:* Bà Ngô Thị Nh - Chuyên viên pháp lý - Công ty Luật TNHH 24H. Địa chỉ: số 04/139 đường P.D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ngày 16/9/2021 có đơn thông báo đã chấm dứt hợp đồng ủy quyền với bị đơn. Vắng mặt.

- *Do có kháng cáo của Bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn, bà Phạm Thị Th. trình bày: Ngày 24/4/2019 âm lịch (là ngày 28/05/2019 dương lịch), bà Th. có cho vợ chồng ông Ngô Duy B., bà Hoàng Thị Ng. vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 18 tháng. Khi đến hạn trả nợ, bà Th. yêu cầu trả nợ nhưng ông B. và bà Ng. vẫn không trả. Nay bà Th. yêu cầu Ông B. và bà Ng. phải trả cho bà số tiền đã vay là 400.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

2. Theo bị đơn, ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. trình bày: Ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là buộc ông, bà phải trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng. Bởi vì, thực tế vợ chồng ông bà vay của bà Th. số tiền gốc là 315.000.000 đồng vào ngày 24/09/2017 âm lịch, hai bên có lập giấy vay tiền và có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hàng tháng vào ngày 24 âm lịch đều phải thanh toán cho bà Th. số tiền lãi là 23.625.000 đồng. Từ ngày 24/08/2018 đến ngày 24/04/2019 vì kinh tế khó khăn nên ông, bà không thanh toán tiền lãi cho bà Th. được và có xin lãi tháng nhưng bà Th. không đồng ý và tính lãi ngày là 1.500 đồng/ngày. Ngày 24/4/2019 âm lịch, bà Th. đến nhà đòi nợ. Lúc này bà Th. tính tổng cả gốc và lãi còn nợ là 428.400.000 đồng. Khi đó vợ chồng ông bà đã thanh toán số tiền 28.400.000 đồng, số còn lại 400.000.000 đồng, bà Th. lập giấy vay tiền mới với nội dung vợ chồng ông bà vay của bà Th. số tiền là 400.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Hàng tháng ông bà phải trả số tiền lãi vào ngày 24 âm lịch với số tiền là 8.000.000 đồng. Số tiền gốc mà vợ chồng ông bà nợ bà Th. là 315.000.000 đồng chứ không phải là 400.000.000 đồng như bà Th. yêu cầu. Trong suốt quá trình vay tiền của bà Th., ông bà đã thanh toán tổng cộng là 37 tháng tiền lãi được tính như sau:

- Thời gian từ ngày 24/9/2017 đến ngày 24/8/2018 âm lịch, đã thanh toán số tiền là $315.000.000đ \times 2.500đ/ngày \times 30 ngày \times 11 tháng = 259.875.000$ đồng.

- Thời gian từ ngày 24/08/2019 đến ngày 24/04/2019 âm lịch là $315.000.000$ đồng $\times 1.500$ đồng $\times 30$ ngày $\times 08$ tháng = 113.400.000 đồng.

- Thời gian từ ngày 24/4/2019 đến tháng 10/2020 đã thanh toán cho lãi suất là 2%/tháng. Số tiền lãi được tính là $400.000.000$ đồng $\times 2\% \times 18$ tháng = 144.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông bà đã thanh toán cho bà Th. trong thời gian vay là tổng 37 tháng với tổng số tiền lãi 517.275.000 đồng.

Anh, chị đã thanh toán số tiền lãi quá cao so với quy định của Nhà nước, Chính vì vậy, đề nghị được trừ tiền lãi đã thanh toán cho bà Th. vào số tiền gốc còn nợ. Do làm ăn thua lỗ, khó khăn nên ông bà chỉ chấp nhận trả thêm cho bà Th. số tiền 100.000.000 đồng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 288; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th..

Buộc anh Ngô Duy B. và chị Hoàng Thị Ng. phải liên đới trả cho chị Phạm Thị Th. số tiền đã vay là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), phần của mỗi người là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị Th. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, anh B. và chị Ng. còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: anh Ngô Duy B. và chị Hoàng Thị Ng. phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Trả lại cho chị Phạm Thị Th. số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo B. lai thu số AA/2019/0009260 ngày 30/11/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Sau khi xét xử, ngày 02/6/2021 ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. (bị đơn) làm đơn kháng với nội dung: Bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ nội dung vụ án, chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị đơn, cụ thể; Chưa làm rõ bị đơn vay tiền của bà Th. có lãi hay không, chưa triệu tập những người hàng xóm đến phiên tòa biết việc ông bà vay tiền và trả lãi hàng tháng. Giấy vay tiền ngày 24/04/2019 nhưng ông bà không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ vì thời gian này ông bà không có nhu cầu sử dụng tiền lớn như vậy. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th..

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về những nội dung tranh chấp.

- Quan điểm của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị buộc ông B. và bà Ng. phải trả nợ 400.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 24/4/2019 âm lịch, không tính lãi suất.

- Quan điểm tranh luận của bị đơn: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn kháng cáo đã trình bày, đó là: Giấy vay tiền ngày 24/4/2019 (âm lịch) là khoản vay trước đó 315.000.000đ cùng với lãi cộng dồn vào thành 400.000.000đ chứ không phải ông bà vay tiền vào ngày này như bà Th. trình bày. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc vay tiền của bà Th. trước đó ông bà đã trả lãi hàng tháng. Giấy vay tiền ngày 24/04/2019 nhưng ông bà không nhận được bất kỳ khoản tiền nào vì thời gian này ông bà không có nhu cầu sử dụng tiền lớn như vậy. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

+ Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với kháng cáo của bị đơn: Theo giấy vay tiền ngày 24/4/2019 âm lịch (tức là ngày 28/05/2019 dương lịch) thể hiện: Vợ chồng ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. vay của bà Phạm Thị Th. số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay

là 18 tháng, không thể hiện lãi suất, đều có ký và ghi rõ họ tên ông B. bà Ng.. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B. và bà Ng. kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới thể hiện việc kháng cáo là có căn cứ.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B. và bà Ng., giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung. Ông B. và bà Ng. phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn:

- Về số tiền vay nợ: Theo giấy vay tiền (BL02) ngày 24/4/2019 âm lịch (tức là ngày 28/5/2019 dương lịch) thể hiện: Ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. (là vợ chồng) viết giấy vay của bà Phạm Thị Th. số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 18 tháng, không thể hiện lãi suất, đều có chữ ký và họ tên của ông B. và bà Ng..

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B. và bà Ng. không thừa nhận vay số tiền 400.000.000 đồng của bà Th. như trong “Giấy vay tiền” ngày 24/4/2019 (âm lịch) mà đây là số tiền vay và còn nợ bà Th. 315.000.000 đồng vào ngày 24/9/2017 (âm lịch), lãi suất thỏa thuận bằng miệng. Đến ngày 24/4/2019 bà Th. tính thêm tiền lãi để cộng dồn vào thành 400.000.000đ và yêu cầu ông bà viết giấy vay, còn thực tế ông bà không vay số tiền vào ngày này như bà Th. trình bày. Quá trình vay nợ ông bà đã trả lãi lãi hàng tháng cao cho bà Th. nên đề nghị xem xét lại.

Bà Th. khẳng định ông B. và bà Ng. đã vay số tiền và viết giấy vay nợ vào ngày 24/4/2019 để kinh doanh là đúng thực tế. Do ông B. và bà Ng. là người cùng thôn, kinh doanh khó khăn nên bà chỉ yêu cầu trả lại số tiền gốc 400.000.000đ đã vay vào ngày 24/4/2019 theo đúng giấy vay tiền.

- Xét thấy, ông B. và bà Ng. công nhận “Giấy vay tiền” đề ngày 24/04/2019 (âm lịch) là do ông B. tự viết và cả hai vợ chồng cùng ký tên. Ông B. và bà Ng. kháng cáo nhưng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông, bà đã vay số tiền 315.000.000 đồng vào ngày 24/9/2017 (âm lịch) và việc đã trả lãi cho bà Th.. Bà Th. không thừa nhận lời khai này của vợ chồng ông B. bà Ng.. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định ông B. và bà Ng. đã vay của bà Th. số tiền 400.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 24/4/2019 âm lịch (tức là ngày 28/05/2019 dương lịch). Tính đến nay, đã quá thời hạn vay là 18 tháng, ông B., bà Ng. chưa trả tiền vay cho bà Th. theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó bà Th.

khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông B. và bà Ng. phải trả cho bà Th. số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B. và bà Ng. kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới thể hiện việc kháng cáo là có căn cứ và hai bên không có thỏa thuận được nội dung đang tranh chấp. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông B. và bà Ng., giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung:

[4]. Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B. lai thu tiền số 0009365 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. (bị đơn). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

*** Áp dụng:** - Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; - Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th..

1. Buộc ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. phải liên đới trả nợ cho bà Phạm Thị Th. theo Giấy vay tiền ngày 24/4/2019 (tức là ngày 28/5/2019 dương lịch) với số tiền là **400.000.000đ** (Bốn trăm triệu đồng). Phần của mỗi người phải trả là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

2. Án phí sơ thẩm: - Ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Phần của mỗi người là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Trả lại cho bà Phạm Thị Th. số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo B. lai thu số AA/2019/0009260 ngày 30/11/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Duy B. và bà Hoàng Thị Ng. liên đới chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo B. lai thu tiền số 0009365 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh hóa.

4. Trách nhiệm, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị Th. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Duy B. và bà

Hoàng Thị Ng. không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hà Trung;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS H. Hà Trung;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Hùng

